

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-PT

Ngày: 04-01-2022

“V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Hoàng Thành

2. Ông Nguyễn Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2021/TLPT-DS, ngày 03/6/2021, về việc: *“Tranh chấp đòi lại tài sản”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 111/2021/DS-PT, ngày 29/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2021/QĐ-ST, ngày 13/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2021/QĐ-ST, ngày 13/8/2021; Thông báo thời gian xét xử vụ án dân sự phúc thẩm số 79/2021/TB-TA, ngày 15/9/2021; Thông báo về việc dời phiên tòa số 95/2021/TB-TA, ngày 05/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 268/2021/QĐ-ST, ngày 01/11/2021 và Thông báo về việc dời phiên tòa số 184/2021/TB-TA, ngày 09/12/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Quách Quang Đ (tên thường gọi: B, hia B, B, hia B), sinh năm 1944 (vắng mặt).

Nguyên đơn Đ ủy quyền cho con trai tên: Quách Tuấn C, sinh năm 1977 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 480, N, khóm h, phường h, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn:* 1- Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1964 (vắng mặt).

2- Ông Đinh Quốc B, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 13/3, đường N, khóm m, phường m, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn H ủy quyền cho các ông:

- Đặng Hiền S, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Số 612/41 đường M, khóm s, phường s, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Trần Văn Bx, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Số 118 Q, ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn Bốn ủy quyền cho ông: Trần Văn Bx, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Số 118 Q, ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người kháng cáo: Bà Trần Thị Kim H là bị đơn trong vụ án.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:

* *Nguyên đơn Quách Quang Đ trình bày:* Ông với bà Trần Thị Kim H và ông Đinh Quốc B là chỗ quen biết. Vì vậy, năm 2001 ông Đ cho bà H vay số tiền là 150.000.000đ để xoay sở việc làm ăn buôn bán của gia đình, thỏa thuận mỗi tháng đóng lãi 5.000.000đ, bà H đóng lãi được 12 tháng. Đến tháng 4/2004 giữa ông và bà H làm kết nợ, xác định bà H còn thiếu tiền lãi là khoảng 10.000.000đ và mượn thêm 40.000.000đ, cộng lại là 50.000.000đ. Vì vậy, bà H đã ghi biên nhận và ký tên xác nhận cho ông Đ với nội dung có vay của ông Đ số tiền 150.000.000đ vào ngày 29/6/2004 và vay số tiền 50.000.000đ ngày 18/02/2003, được ghi trên cùng 01 giấy nợ. Từ khi bà H ghi và ký tên vào 02 biên nhận nêu trên thì bà H ngưng không đóng lãi cho đến nay.

Vì vậy, Nguyên đơn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bị đơn H và B phải trả số tiền 200.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ông Trần Văn B là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Thị Kim H trình bày:*

Bà H không quen biết ông Quách Quang Đ, nhưng tờ biên nhận ngày 18/02/2003 và ngày 29/6/2004 do phía Nguyên đơn Đ cung cấp cho Tòa án, đúng là chữ viết và chữ ký của bà H. Bà H cho rằng bà không vay tiền của ông Đ, mà vay tiền của người tên Hia B tức là ông Trịnh Văn B và bà đã trả tiền xong cho ông B. Vì vậy, Bị đơn H không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đ.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ông Trần Văn B là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Đinh Quốc B trình bày:*

Ông Đinh Quốc B là chồng của bà Trần Thị Kim H, việc vay tiền này ông B không biết. Vì vậy, ông B không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đ.

Sự việc được Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST, ngày 22/4/2021, đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 244, Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1

Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Điều 166; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quách Quang Đ (Hia B)

1/. Buộc bà Trần Thị Kim H trả cho ông Quách Quang Đ (Hia B) số tiền là 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/5/2021, bị đơn Trần Thị Kim H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do bản án sơ thẩm không phù hợp theo quy định của khoản 1 Điều 217 của Bộ luật dân sự. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn Đ gửi đơn xin vắng mặt, đề nghị Tòa án ghi nhận ý kiến của nguyên đơn là không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn H không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

+ *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung kháng cáo:* Do kháng cáo của Bị đơn H không có căn cứ pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của Bị đơn H là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn H đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, vì bản án sơ thẩm không phù hợp theo quy định của khoản 1 Điều 217 của Bộ luật dân sự, có nghĩa là cấp sơ thẩm phải đình chỉ vụ án, chứ không được xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn H bổ sung kháng cáo, cụ thể là: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa án sơ thẩm, có nội dung: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đ, vì Bị đơn H không vay tiền của ông Đ, Bị đơn H có thiếu tiền mua tôm giống của ông Trịnh Ngọc B là 200.000.000đ và đã trả xong cho ông B, theo “Biên nhận” ngày 29/6/2004, do ông S là người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn H nộp trực tiếp tại phiên tòa phúc thẩm.

Xét thấy, việc bổ sung nội dung kháng cáo nêu trên là trong phạm vi kháng cáo ban đầu, là kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Vì vậy, được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[2-1] Xét kháng cáo của Bị đơn H về việc phải đình chỉ vụ án, thì thấy rằng:

Ông S và ông Bx là người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn H cho rằng, cấp sơ thẩm phải căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217 để đình chỉ giải quyết vụ án mới đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông S và ông Bx không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc Tòa án phải đình chỉ vụ án theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ vụ án mà tiếp tục giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2-2] Xét lại toàn bộ nội dung vụ án theo án sơ thẩm và kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, có nội dung: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đ, vì Bị đơn H không vay tiền của nguyên đơn Đ, Bị đơn H có thiếu tiền mua tôm giống của ông Trịnh Ngọc B là 200.000.000đ và đã trả xong cho ông B, theo “Biên nhận” ngày 29/6/2004, thì thấy rằng:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn H thừa nhận, chữ viết và chữ ký tại “Biên nhận” ngày 29/6/2004 và ngày 18/02/2003 trên cùng một tờ giấy, do Nguyên đơn Đ cung cấp cho Tòa án, là do Bị đơn H viết và ký tên.

- Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn H trình bày: Bà H có thiếu tiền mua tôm giống của người tên Hia B là ông Trịnh Văn B và cho rằng: Do thiếu tiền mua tôm của ông B nên bà đã viết giấy “Biên nhận” vay tiền của Hia B ngày 29/6/2004 và 18/02/2003 nhưng ông B không đồng ý, nên bà H ghi lại “Biên nhận” ngày 29/6/2004 có nội dung bà H còn thiếu tiền mua tôm giống của ông B với số tiền là 200.000.000đ và bà đã trả xong cho ông B vào ngày 23/02/3005, ông B có ký tên xác nhận và được ông S là người đại diện theo ủy quyền của bà H cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm. Bà H cho rằng: Sau khi ghi lại “Biên nhận” mua tôm còn thiếu của ông B là 200.000.000đ, do sơ ý nên không xé bỏ “Biên nhận” vay tiền ban đầu và sau đó bị thất lạc và không biết lý do vì sao cha con ông Đ và Cường có được tờ “Biên nhận” nêu trên, sau đó thừa kiện ra Tòa đòi bà H phải trả tiền, trong khi bà H không biết ông Đ là ai và cũng không vay tiền của ông Đ. Bà H và người đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày về mối liên hệ giữa 02 tờ “Biên nhận” nêu trên, nhưng họ không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh 02 tờ “Biên nhận” nêu trên xuất phát từ việc bà H mua tôm giống còn thiếu tiền ông B là 200.000.000đ, trong khi nội dung 02 tờ “Biên nhận” nêu trên hoàn toàn khác nhau; 01 tờ có nội dung vay tiền 200.000.000đ của Hia B; 01 tờ có nội dung mua tôm giống còn thiếu số tiền 200.000.000đ của anh Trịnh Ngọc Báu.

- Theo yêu cầu xác minh của ông Bx là người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn H tại “Tờ trình” ngày 19/7/2021, đề nghị Tòa ác xác minh tên thường gọi của Nguyên đơn Đ tại nơi ông Đ đang sinh sống. Tòa án đã thực hiện công việc xác minh nêu trên: Tại các Biên bản xác minh cùng ngày 19/11/2021 đối với các ông, bà: Ông Lý Đức N - Phó Ban nhân dân khóm h; ông Phan Văn D; ông Phùng L; bà Lương Kim T sinh sống gần nhà ông Đ, họ đều xác nhận: Ông Đ có tên thường gọi ở nhà là Hia T nhưng vợ ông Đ tên là B. Vì vậy, gọi chồng bà B thì ai cũng biết là ông Đ. Tại “Đơn xin xác nhận” hai tên là cùng một người, ngày 25/9/2020 của Nguyên đơn Đ có Trưởng ban nhân dân khóm h, phường h, thành phố S và Ủy ban nhân dân phường h, thành phố S xác nhận có nội dung: Ông Quách Quang Đ có tên thường gọi là Hia B, Hia B. Vì vậy, có căn cứ để xác định Hia B và Nguyên đơn Đ là cùng một người.

- Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn H đều thừa nhận chữ viết và chữ ký tại “Biên nhận” ngày 29/6/2004 và ngày 18/02/2003 viết trên cùng một tờ giấy, do Nguyên đơn Đ cung cấp cho Tòa án là do Bị đơn H viết và ký, Bị đơn H cho rằng đó là số tiền bà H thiếu tiền mua tôm giống của ông Trịnh Văn B và đã trả xong cho ông B, trong khi ông Đ không thừa nhận bà H đã trả xong số tiền bà H còn thiếu ông Đ theo nội dung tờ “Biên nhận” vay tiền nêu trên. Bà H cũng không chứng minh được nghĩa vụ trả nợ của bà theo “Biên nhận” vay tiền ngày 29/6/2004 và ngày 18/02/2003 viết trên cùng một tờ giấy, do Nguyên đơn Đ cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, cấp sơ thẩm xử buộc Bị đơn H phải trả số tiền còn thiếu cho Nguyên đơn Đ là 200.000.000đ theo “Biên nhận” ngày 29/6/2004 ngày 18/02/2003 viết trên cùng một tờ giấy, là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn H, không chứng minh được các yêu cầu kháng cáo của Bị đơn H là có căn cứ pháp luật, trong khi người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý theo nội dung kháng cáo của bị đơn H. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn H.

Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật như đã viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của Bị đơn H không được chấp nhận. Vì vậy, Bị đơn H phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định tại khoản 01 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 01 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Trần Thị Kim H.

[II]- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST, ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 244, Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Điều 166; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quách Quang Đ (Hia B)

1/. Buộc bà Trần Thị Kim H trả cho ông Quách Quang Đ (Hia B) số tiền là 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Kim H phải chịu là 10.000.000 đồng.
- Ông Quách Quang Đ không phải chịu.

[III]- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Trần Thị Kim H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bị đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007745 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố S;
- TAND thành phố S;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung